

Kg. PKHTC thực hiện
ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI CHÍNH

SAO Y; SỔ TÀI CHÍNH; Thời gian ký: 2024-11-25T10:29:27+07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 9129 /STC-CS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

Về việc lấy ý kiến góp ý các dự thảo
xây dựng Nghị quyết quy định thẩm
quyền quyết định trong việc quản lý,
sử dụng tài sản công thuộc phạm vi
quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh

TRƯỞNG CAO DẪNG LÝ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: 812
ĐẾN Ngày 25/11/2024
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

KHẨN

Kính gửi:

- Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Sở ban ngành Thành phố;
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện;
- Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố;
- Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về hội.

Căn cứ quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019), Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Sở Tài chính có ý kiến như sau:

Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP quy định: Hội đồng nhân dân Thành phố sẽ quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công, gồm: mua sắm tài sản công⁽¹⁾, mua sắm vật tiêu hao⁽²⁾; thuê tài sản⁽³⁾; khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị⁽⁴⁾; thu hồi⁽⁵⁾, điều chuyển⁽⁶⁾, bán⁽⁷⁾, thanh lý⁽⁸⁾, tiêu hủy⁽⁹⁾, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại⁽¹⁰⁾ đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất

¹ Theo quy định tại khoản 2, khoản 30 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

² Theo quy định tại khoản 3, khoản 31 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

³ Theo quy định tại khoản 4, khoản 32 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

⁴ Theo quy định tại khoản 7, khoản 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

⁵ Theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

⁶ Theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

⁷ Theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

⁸ Theo quy định tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

⁹ Theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

¹⁰ Theo quy định tại khoản 25 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị⁽¹¹⁾; thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước⁽¹²⁾.

Ngày 22 tháng 10 năm 2024, Bộ Tài chính có Công văn số 11315/BTC-QLCS đề nghị các Bộ, ngành, địa phương quan tâm chỉ đạo triển khai đầy đủ các quy định tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP; trong đó lưu ý nội dung về việc thực hiện các trách nhiệm được quy định tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

Trên cơ sở ý kiến đề xuất của Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố đã họp và thống nhất chủ trương về đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Qua các nội dung trên, để có cơ sở hoàn thiện bộ hồ sơ trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét trình Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định; Sở Tài chính đề nghị các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về hội nghiên cứu và có ý kiến góp ý bằng văn bản đối với nội dung các dự thảo: Tờ trình của Sở Tài chính, Tờ trình của Ủy ban nhân dân Thành phố và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn bản góp ý gửi về Sở Tài chính trước ngày 27 tháng 11 năm 2024 để tổng hợp. Sau thời hạn nêu trên, trường hợp Sở Tài chính chưa nhận được ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, xem như thống nhất nội dung các dự thảo.

Sở Tài chính có ý kiến với nội dung nêu trên đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, để thực hiện. /*ƯA*

(Đính kèm dự thảo: Tờ trình của Sở Tài chính, Tờ trình Ủy ban nhân dân Thành phố và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh).

Nơi nhận :

- Như trên;
- UBND.TP (để b/c);
- GD, PGD;
- Lưu: VP,CS/Ha (06).

pa

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Mai Phương

¹¹ Theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

¹² Theo quy định tại khoản 56 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TTr-STC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

**Về dự thảo Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định
trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của
Thành phố Hồ Chí Minh.**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Thành phố

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020, bổ sung năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh,

Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân Thành phố về xây dựng Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định

chỉ tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

2. Cơ sở thực tiễn

2.1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định tại khoản 1 Điều 27 (Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh): “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.

Theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 ngày 12 tháng 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Hội đồng nhân dân Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 chấp thuận phân cấp và giao Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định ban hành quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản công, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 31 ngày 7 tháng 2018 quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản công tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về Hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP quy định: Hội đồng nhân dân Thành phố sẽ quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công, gồm: mua sắm tài sản công⁽¹⁾, mua sắm vật tiêu hao⁽²⁾; thuê tài sản⁽³⁾; khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị⁽⁴⁾; thu hồi⁽⁵⁾, điều chuyển⁽⁶⁾, bán⁽⁷⁾, thanh lý⁽⁸⁾, tiêu hủy⁽⁹⁾, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại⁽¹⁰⁾ đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ

¹ Theo quy định tại khoản 2, khoản 30 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

² Theo quy định tại khoản 3, khoản 31 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

³ Theo quy định tại khoản 4, khoản 32 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

⁴ Theo quy định tại khoản 7, khoản 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

⁵ Theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

⁶ Theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

⁷ Theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

⁸ Theo quy định tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

⁹ Theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

¹⁰ Theo quy định tại khoản 25 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

chức, đơn vị⁽¹¹⁾; thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước⁽¹²⁾.

Ngày 22 tháng 10 năm 2024, Bộ Tài chính có Công văn số 11315/BTC-QLCS đề nghị các Bộ, ngành, địa phương quan tâm chỉ đạo triển khai đầy đủ các quy định tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP; trong đó lưu ý nội dung về việc thực hiện các trách nhiệm được quy định tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

2.2 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định tại khoản 44 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung Điều 146. Các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn) như sau: “...3. Trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành; trường hợp cần ban hành ngay văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên...”.

Liên quan đến việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn, Sở Tư pháp đã có Công văn số 5892/STP-VB ngày 13 tháng 9 năm 2024 gửi các Sở ngành đề triển khai thực hiện Công văn số 4957/BTP-VĐCXDPL ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tư pháp, theo đó tại Công văn số 4957/BTP-VĐCXDPL, Bộ Tư pháp hướng dẫn như sau:

“2. Về trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành (khoản 3 Điều 146 Luật Ban hành VBQPPL)

Khoản 1 Điều 170 Luật Ban hành VBQPPL quy định: “Cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật; nếu phát hiện có quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội thì tự mình hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kịp thời đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật”. Căn cứ vào quy định nêu trên, khi một văn bản mới được ban hành mà các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành không còn phù hợp với văn bản đó thì có thể được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản mới”.

Căn cứ quy định nêu trên, việc tham mưu Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP với trình tự thủ tục trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại khoản 3 Điều 146 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật là phù hợp, đảm bảo thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

¹¹ Theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

¹² Theo quy định tại khoản 56 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách trong quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật.

- Việc ban hành Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công nhằm đảm bảo đúng chế độ, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Quán triệt các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản công.

- Đảm bảo tính hợp pháp, thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật và phù hợp với đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội của Thành phố.

- Làm căn cứ pháp lý để các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản công, tăng cường tính chủ động, kịp thời, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

- Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao); thuê tài sản; khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về hội thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Ngày 15 tháng 9 năm 2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 114/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của

Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; theo đó, Chính phủ quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có Công văn số 11171/VP-KT truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Nguyễn Văn Dũng về việc thực hiện Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ: *“Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các đơn vị chức năng nghiên cứu, hướng dẫn, triển khai thực hiện. Trường hợp có vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện, Sở Tài chính kịp thời tổng hợp, đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố”*.

Qua quá trình nghiên cứu rà soát, Sở Tài chính đã dự thảo các thành phần hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết và có Tờ trình số 8719/TTr-STC ngày 08 tháng 11 năm 2024 trình Ủy ban nhân dân Thành phố về đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

Trên cơ sở ý kiến đề xuất của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố đã họp và thống nhất chủ trương về đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh theo trình tự, thủ tục rút gọn.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Bố cục của Nghị quyết dự kiến gồm 06 chương, 24 Điều, cụ thể:

- Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG: *gồm 02 Điều, quy định Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng của Nghị quyết.*

- Chương II. THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC: *gồm 09 Điều, quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm (bao gồm vật tiêu hao), thuê, khai thác, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan, tổ chức.*

- Chương III. THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ: *gồm 09 Điều, quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm (bao gồm vật tiêu hao), thuê, khai thác, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại đơn vị.*

- Chương IV. THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH GIÁ TRỊ CỦA TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT KHI BÁN TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ: *gồm 01 Điều, quy định thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị.*

- Chương V. THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI

SẢN CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC: *gồm 01 Điều, quy định thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước.*

- Chương VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN: *gồm 02 Điều, quy định việc Tổ chức thực hiện và Hiệu lực thi hành của Nghị quyết.*

2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản

Quy định cụ thể về thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh, gồm: mua sắm tài sản công, mua sắm vật tiêu hao; thuê tài sản; khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị; thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN

Không làm phát sinh thêm yêu cầu nguồn lực để thi hành văn bản sau khi được thông qua, không gây tác động về giới.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ): không

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định về thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

(Đính kèm các dự thảo: (1) Tờ trình của Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo, kiến nghị Hội đồng nhân dân Thành phố về việc xây dựng Nghị quyết; (2) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh).

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD;
- Lưu: VT, CS/Ha (03).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Mai Phương

Số: /TTr-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc xây dựng Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định
trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của
Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố.

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020, bổ sung năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh,

Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố về xây dựng Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định

chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

2. Cơ sở thực tiễn

2.1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định tại khoản 1 Điều 27 (Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh): *“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”*.

Theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 ngày 12 tháng 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Hội đồng nhân dân Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 chấp thuận phân cấp và giao Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định ban hành quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản công, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 31 ngày 7 tháng 2018 quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản công tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về Hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP quy định: Hội đồng nhân dân Thành phố sẽ quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công, gồm: mua sắm tài sản công⁽¹⁾, mua sắm vật tiêu hao⁽²⁾; thuê tài sản⁽³⁾; khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị⁽⁴⁾; thu hồi⁽⁵⁾, điều chuyển⁽⁶⁾, bán⁽⁷⁾, thanh lý⁽⁸⁾, tiêu hủy⁽⁹⁾, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại⁽¹⁰⁾ đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ

¹ Theo quy định tại khoản 2, khoản 30 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

² Theo quy định tại khoản 3, khoản 31 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

³ Theo quy định tại khoản 4, khoản 32 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

⁴ Theo quy định tại khoản 7, khoản 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

⁵ Theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

⁶ Theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

⁷ Theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

⁸ Theo quy định tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

⁹ Theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

¹⁰ Theo quy định tại khoản 25 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

chức, đơn vị⁽¹¹⁾; thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước⁽¹²⁾.

Ngày 22 tháng 10 năm 2024, Bộ Tài chính có Công văn số 11315/BTC-QLCS đề nghị các Bộ, ngành, địa phương quan tâm chỉ đạo triển khai đầy đủ các quy định tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP; trong đó lưu ý nội dung về việc thực hiện các trách nhiệm được quy định tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

2.2 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định tại khoản 44 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung Điều 146. Các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn) như sau: “...3. Trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành; trường hợp cần ban hành ngay văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên...”.

Liên quan đến việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn, Sở Tư pháp đã có Công văn số 5892/STP-VB ngày 13 tháng 9 năm 2024 gửi các Sở ngành đề triển khai thực hiện Công văn số 4957/BTP-VĐCXDPL ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tư pháp, theo đó tại Công văn số 4957/BTP-VĐCXDPL, Bộ Tư pháp hướng dẫn như sau:

“2. Về trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành (khoản 3 Điều 146 Luật Ban hành VBQPPL)

Khoản 1 Điều 170 Luật Ban hành VBQPPL quy định: “Cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật; nếu phát hiện có quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội thì tự mình hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kịp thời đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật”. Căn cứ vào quy định nêu trên, khi một văn bản mới được ban hành mà các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành không còn phù hợp với văn bản đó thì có thể được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản mới”.

Căn cứ quy định nêu trên, việc tham mưu Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP với trình tự thủ tục trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại khoản 3 Điều 146 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật là phù hợp, đảm bảo thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

¹¹ Theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

¹² Theo quy định tại khoản 56 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách trong quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật.

- Việc ban hành Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công nhằm đảm bảo đúng chế độ, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Quán triệt các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản công.

- Đảm bảo tính hợp pháp, thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật và phù hợp với đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội của Thành phố.

- Làm căn cứ pháp lý để các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản công, tăng cường tính chủ động, kịp thời, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

- Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao); thuê tài sản; khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về hội thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Ngày 15 tháng 9 năm 2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 114/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của

Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; theo đó, Chính phủ quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có Công văn số 11171/VP-KT truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Nguyễn Văn Dũng về việc thực hiện Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ: *“Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các đơn vị chức năng nghiên cứu, hướng dẫn, triển khai thực hiện. Trường hợp có vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện, Sở Tài chính kịp thời tổng hợp, đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố”*.

Qua quá trình nghiên cứu rà soát, Sở Tài chính đã dự thảo các thành phần hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết và có Tờ trình số 8719/TTr-STC ngày 08 tháng 11 năm 2024 trình Ủy ban nhân dân Thành phố về đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

Trên cơ sở ý kiến đề xuất của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố đã họp và thống nhất chủ trương về đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh theo trình tự, thủ tục rút gọn.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Bố cục của Nghị quyết dự kiến gồm 06 chương, 24 Điều, cụ thể:

- Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG: gồm 02 Điều, quy định Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng của Nghị quyết.

- Chương II. THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC: gồm 09 Điều, quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm (bao gồm vật tiêu hao), thuê, khai thác, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan, tổ chức.

- Chương III. THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ: gồm 09 Điều, quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm (bao gồm vật tiêu hao), thuê, khai thác, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại đơn vị.

- Chương IV. THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH GIÁ TRỊ CỦA TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT KHI BÁN TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ: gồm 01 Điều, quy định thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Chương V. THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI

SẢN CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC: gồm 01 Điều, quy định thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước.

- Chương VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN: gồm 02 Điều, quy định việc Tổ chức thực hiện và Hiệu lực thi hành của Nghị quyết.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản

Quy định cụ thể về thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh, gồm: mua sắm tài sản công, mua sắm vật tiêu hao; thuê tài sản; khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị; thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN

Không làm phát sinh thêm yêu cầu nguồn lực để thi hành văn bản sau khi được thông qua, không gây tác động về giới.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ): không

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định về thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

(Đính kèm: (1) Tờ trình số/TTr-STC ngày tháng năm 2024 của Sở Tài chính; (2) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố).

Nơi nhận:

Như trên;

...

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO – Lần 1

NGHỊ QUYẾT

**Quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số
59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản
quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số
154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ về sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12
năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng
tài sản công;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Tờ trình số/TTr-
UBND ngày tháng năm 2024 về việc ban hành Nghị quyết quy định
thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi
quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND

ngày tháng năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

1. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao); thuê tài sản; khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.
2. Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị.
3. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về hội được ngân sách nhà nước đảm bảo, hỗ trợ kinh phí hoạt động thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị).
2. Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành ủy; đơn vị lực lượng vũ trang thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; doanh nghiệp nhà nước không thuộc đối tượng áp dụng tại Nghị quyết này.

Chương II THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) tại cơ quan, tổ chức

1. Đối với tài sản là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô phục vụ công tác các chức danh: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc

mua sắm.

2. Đối với tài sản là xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng và phương tiện vận tải khác:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc mua sắm của sở ban ngành, Ủy ban nhân dân quận và cơ quan, tổ chức trực thuộc sở ban ngành, Ủy ban nhân dân quận.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định việc mua sắm của cơ quan và cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

3. Đối với tài sản khác (trừ tài sản quy định tại khoản 1, 2 Điều này): Người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định việc mua sắm.

4. Việc mua sắm tài sản quy định tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và không bao gồm mua sắm dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức. Việc mua sắm dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức

1. Đối với việc thuê trụ sở làm việc phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

2. Đối với việc thuê tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc) phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức: Người đứng đầu các sở ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định việc thuê tài sản của cơ quan, tổ chức và quyết định việc thuê tài sản của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

3. Việc thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức quy định tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và không bao gồm thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức. Việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức

1. Đối với tài sản công phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan: Người đứng đầu cơ quan, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản quyết định việc khai thác tài sản để phục vụ hoạt động tại cơ quan, tổ chức.

2. Đối với tài sản công là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan, phòng truyền thống của cơ quan: Người đứng đầu các sở ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định việc khai thác tài sản của cơ quan, tổ chức và quyết định việc khai thác tài sản của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công tại cơ quan, tổ chức

1. Đối với tài sản công là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thu hồi.

2. Đối với tài sản công là xe ô tô và phương tiện vận tải khác: cấp nào quyết định mua sắm, cấp đó quyết định thu hồi.

3. Đối với tài sản công khác (trừ tài sản thuộc khoản 1, 2 Điều này): Người đứng đầu các sở ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định việc thu hồi tài sản của cơ quan, tổ chức và quyết định việc thu hồi tài sản của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố

1. Đối với tài sản công là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chuyển.

2. Đối với tài sản công là xe ô tô và phương tiện vận tải khác: cấp nào quyết định mua sắm, cấp đó quyết định điều chuyển.

Riêng đối với trường hợp điều chuyển tài sản công là xe ô tô và phương tiện vận tải khác giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các sở ban ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân quận - huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chuyển.

3. Đối với tài sản công khác (trừ tài sản thuộc khoản 1, 2 Điều này):

- Việc điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các sở ban ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân quận - huyện: Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển.

- Việc điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong nội bộ sở ban ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân quận - huyện: Người đứng đầu các sở ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định điều chuyển.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại cơ quan, tổ chức

1. Đối với tài sản công là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định bán (bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với trụ sở làm việc).

2. Đối với tài sản công là xe ô tô và phương tiện vận tải khác: cấp nào quyết định mua sắm, cấp đó quyết định bán.

3. Đối với tài sản công khác (bao gồm tài sản công không phải là tài sản cố định và trừ tài sản thuộc khoản 1, 2 Điều này): Người đứng đầu cơ quan, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định bán.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức

1. Đối với tài sản công là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thanh lý.

2. Đối với tài sản công là xe ô tô và phương tiện vận tải khác: cấp nào quyết định mua sắm, cấp đó quyết định thanh lý.

3. Đối với tài sản công khác (trừ tài sản thuộc khoản 1, 2 Điều này): Người đứng đầu cơ quan, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định thanh lý.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công tại cơ quan, tổ chức

1. Đối với tài sản công là tài sản cố định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định tiêu hủy.

2. Đối với tài sản công không phải là tài sản cố định: Người đứng đầu cơ quan, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định tiêu hủy.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan, tổ chức

1. Đối với tài sản công là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô và phương tiện vận tải khác: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét quyết định.

2. Đối với tài sản công khác (bao gồm tài sản công không phải là tài sản cố định và trừ tài sản thuộc khoản 1 Điều này): Người đứng đầu cơ quan, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản công xem xét quyết định.

Chương III **THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ**

Điều 12. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) tại đơn vị

1. Đối với tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc mua sắm.

2. Đối với tài sản là xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng

và phương tiện vận tải khác:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc mua sắm của đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, sở ban ngành, Ủy ban nhân dân quận.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định việc mua sắm của đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Đối với tài sản khác (trừ tài sản thuộc khoản 1, 2 Điều này): Người đứng đầu đơn vị quyết định việc mua sắm.

4. Việc mua sắm tài sản quy định tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và không bao gồm mua sắm dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị. Việc mua sắm dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị

1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị.

2. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này) thực hiện như sau:

- Đối với việc thuê cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của đơn vị: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

- Đối với việc thuê tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc) phục vụ hoạt động của đơn vị:

- + Người đứng đầu đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị.

- + Người đứng đầu các sở ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Việc thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị quy định tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và không bao gồm thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác phục vụ hoạt động của đơn vị. Việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác phục vụ hoạt động của đơn vị được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị

1. Đối với tài sản công phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị: Người đứng đầu đơn vị được giao quản

lý, sử dụng tài sản quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị.

2. Đối với tài sản công là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng công trình sự nghiệp, phòng truyền thống của đơn vị:

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị

- Người đứng đầu đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị.

- Người đứng đầu các sở ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định việc khai thác tài sản của đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công tại đơn vị

1. Đối với tài sản công là cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thu hồi.

2. Đối với tài sản công là xe ô tô và phương tiện vận tải khác: cấp nào quyết định mua sắm, cấp đó quyết định thu hồi.

3. Đối với tài sản công khác (trừ tài sản quy định tại khoản 1, 2 Điều này):

- Người đứng đầu đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thu hồi tài sản công tại đơn vị.

- Người đứng đầu các sở ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định thu hồi tài sản của đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công tại đơn vị

Việc điều chuyển tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quyết định này.

Điều 17. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại đơn vị

1. Đối với tài sản công là cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định bán (bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với cơ sở hoạt động sự nghiệp).

2. Đối với tài sản công là xe ô tô và phương tiện vận tải khác: cấp nào quyết định mua sắm, cấp đó quyết định bán.

3. Đối với tài sản công khác (bao gồm tài sản công không phải là tài sản cố định và trừ tài sản quy định tại khoản 1, 2 Điều này): Người đứng đầu đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định bán.

Điều 18. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công tại đơn vị

1. Đối với tài sản công là cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thanh lý.

2. Đối với tài sản công là xe ô tô và phương tiện vận tải khác: cấp nào quyết

định mua sắm, cấp đó quyết định thanh lý.

3. Đối với tài sản công khác (trừ tài sản quy định tại khoản 1, 2 Điều này): Người đứng đầu đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định thanh lý.

Điều 19. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công tại đơn vị

1. Đối với tài sản công là tài sản cố định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định tiêu hủy.

2. Đối với tài sản công không phải là tài sản cố định: Người đứng đầu đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định tiêu hủy.

Điều 20. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại đơn vị

1. Đối với tài sản công là cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô và phương tiện vận tải khác: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét quyết định.

2. Đối với tài sản công khác (bao gồm tài sản công không phải là tài sản cố định và trừ tài sản thuộc khoản 1 Điều này): Người đứng đầu đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công xem xét quyết định.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH GIÁ TRỊ CỦA TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT KHI BÁN TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 21. Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Chương V

THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 22. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước

Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo thẩm quyền quyết định xử lý tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Nghị quyết này.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Các tổ chức, cá nhân được giao tại Nghị quyết này có trách nhiệm tuân thủ đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, nếu phát sinh vướng mắc, cần sửa đổi, bổ sung, Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố để giải quyết theo thẩm quyền.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

4. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 chấp thuận phân cấp và giao Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định ban hành quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản công.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm và có hiệu lực từ ngày tháng năm/.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Các Ban Đảng Thành ủy;
- Các Văn phòng: Thành ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Thường trực HĐND TP Thủ Đức, huyện;
- UBND, UBMTTQVN thành phố Thủ Đức, quận, huyện;
- Trung tâm Công báo hành phố;
- Lưu: VT, P.Tổng hợp.

CHỦ TỊCH

